

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 706/2026/HC-PT
Ngày: 17/6/2026
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Ngô Mạnh Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Thư ký viên Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc H, Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 366/2026/TLPT-HC ngày 11/3/2026, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2024/HC-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1469/2026/QĐXX-PT ngày 28/5/2026, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Bùi Thị C, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số D C, phường C, quận N - nay là phường C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- **Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Cần Thơ (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Bùi Thị B, sinh năm 1942; Địa chỉ: 1 T, phường C, quận N - nay là phường C, thành phố Cần Thơ (vắng).

mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Bùi Thị B: Bà Bùi Thị C (Văn bản ủy quyền được Văn phòng Công chứng 24h thành phố Cần Thơ công chứng ngày 28/7/2022, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị C là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Bùi Thị C trình bày:

Nguyên gia đình bà Bùi Thị C có canh tác, quản lý, sử dụng phần diện tích đất khoảng 10.000m² tọa lạc tại C, khu V Sông H, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Nguồn gốc phần diện tích đất nêu trên là của cha bà C (ông Bùi Kim Q) khai khẩn, quản lý, canh tác từ khoảng năm 1950. Năm 1974, sau khi ông Q chết để lại cho mẹ bà C (là bà Lê Thị C1) tiếp tục canh tác. Hàng năm, bà C1 có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế nông nghiệp cho nhà nước. Đến năm 1978 phần đất được đưa vào Tập đoàn S phường C. Tuy nhiên, sau khi Tập đoàn giải thể thì phần đất nêu trên được giao trả lại cho gia đình bà C tiếp tục canh tác, quản lý, sử dụng và được Nhà nước miễn thuế nông nghiệp.

Năm 1993 mẹ bà C chết để lại cho bà C tiếp tục canh tác có xác nhận của Tập đoàn S phường C; Trưởng khu vực 3 Sông H và UBND phường C xác nhận ngày 24/3/2009. Đến năm 2011 thì thửa đất trên được Nhà nước quy hoạch giao lại cho Công ty Cổ phần T (viết tắt là Công ty T) làm chủ đầu tư.

Sau khi nhận được thông báo bồi thường hoa màu của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố C với số tiền bồi thường là 5.880.000 đồng, gia đình bà C không đồng ý và có khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền cứu xét yêu cầu được bồi thường về đất và hoa màu bị thu hồi. Lý do là đất gia đình bà C đã quản lý sử dụng, canh tác nhiều năm liền và làm tăng giá trị. Việc chỉ bồi thường về hoa màu trên đất là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp bà C. Nhưng đến nay bà vẫn chưa nhận được văn bản hay quyết định nào giải quyết đối với yêu cầu của bà.

Năm 2019, khi phần đất bị Công ty T san lấp mặt bằng theo Quyết định số 4844/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 (viết tắt là Quyết định số 4844) của Chủ tịch UBND quận N, v/v phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ bổ sung Dự án thu hồi đất công tại C, phường C, thành phố Cần Thơ. Trong khi từ trước đến nay bà C hoàn toàn không nhận được quyết định trên.

Bà C khởi kiện yêu cầu:

- Hành vi không giải quyết đơn khiếu nại và không trao Quyết định số 4844 cho bà C;

- Hủy một phần Quyết định số 4844, về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ bổ sung dự án thu hồi đất công tại C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận N:

Qua kết quả xác minh thực tế và xét tính pháp lý bồi thường cho thấy bà C không có đất, chỉ bị ảnh hưởng cây bần trên phần đất bãi bồi thuộc rạch Khai L do Nhà nước quản lý để phục vụ cho công tác tưới tiêu, phục vụ công ích, không cải tạo từ năm 1975 đến nay.

Ngày 27/4/2011, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố C có Tờ trình về việc thẩm định và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng Dự án Quản lý đất công tại khu vực C thuộc phường C (viết tắt là Dự án C), trong đó bà C được bồi thường, hỗ trợ số tiền 6.174.000 đồng gồm về hoa màu 5.880.000 đồng và thưởng 294.000 đồng. Phần đất sông rạch Khai Luông do Nhà nước quản lý không tính áp giá hỗ trợ.

Ngày 02/6/2011, Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định số 4844 về việc phê duyệt chi tiết về bồi thường, hỗ trợ bổ sung Dự án Cồn Khương, trong đó bà C được duyệt số tiền bồi thường, hỗ trợ là 6.174.000 đồng.

Ngày 16/02/2012, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố C có Biên bản về việc tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án C (V), nhưng hộ bà C vắng mặt.

Theo Công văn số 197/TTPTQĐ-QL&PTQĐ ngày 17/01/2023 về việc cung cấp hồ sơ của bà C thì Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố C đã thông báo 3 lần đến bà C nhận 6.174.000 đồng, nhưng đến nay bà C chưa nhận tiền và chưa bàn giao mặt bằng, lý do bà C khiếu nại phần rạch Khai Luông 10.000m² và UBND quận N đã thống nhất chỉ bồi thường hoa màu và không bồi thường phần sông rạch.

Căn cứ Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính; nếu hết thời hạn này thì mất quyền khởi kiện. Trường hợp bà C đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố C đã thông báo 3 lần đến nhận 6.174.000 đồng theo Quyết định số 4844. Ngày 16/02/2012, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố C có Biên bản về việc tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án C (V), nhưng hộ bà C vắng mặt. Do đó, bà C khởi kiện liên quan Quyết định số 4844 là hết thời hiệu theo quy định pháp luật nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Về hồ sơ giải quyết khiếu nại:

Qua rà soát của các đơn vị, hiện nay UBND quận chưa nhận được đơn khiếu nại của bà C liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ phần đất nêu trên. Ngoài ra, thời hiệu khiếu nại đối với Quyết định số 4844 đã hết theo quy định.

UBND quận N kiến nghị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ như sau: Đình chỉ giải quyết vụ án khởi kiện của bà C liên quan Quyết định số 4844 và giữ nguyên quyết định này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2024/HC-ST ngày 07/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 4 Điều 116, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 80 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị C.

[2.1] Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường về đất của bà Bùi Thị C.

[2.2] Hủy một phần Quyết định 4844/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt chi tiết về bồi thường, hỗ trợ bổ sung Dự án thu hồi đất công tại C đối với bà Bùi Thị C.

Buộc Ủy ban nhân dân quận N ban hành quyết định khác thay thế, theo hướng cho bà Bùi Thị C được nhận thêm khoản tiền “chậm nộp” theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/6/2024, bà Bùi Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Bùi Thị C không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu; người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

Bà Bùi Thị C: Xác định diện tích đất mà bà yêu cầu được bồi thường là đất bãi bồi nhưng không nằm ở ven sông mà nằm giữa 02 đoạn sông. Gia đình bà đã có công sức bồi đắp, quản lý, sử dụng phần đất này hơn 50 năm qua, có giấy tờ đầy đủ. Do đó, bà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà C làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện toàn bộ diện tích đất mà bà C yêu cầu được bồi thường là đất bãi bồi ven sông đã được UBND thành phố C quản lý bởi Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 26/6/2006. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bà C không cung cấp được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm, do đó, kháng cáo của bà C là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị C làm trong hạn luật định; bà C sinh năm 1954 là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo của bà C đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chủ tịch UBND phường C, thành phố Cần Thơ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quyết định số 4844 của Chủ tịch UBND quận N ban hành ngày 02/6/2011, có nội dung phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ cho bà C (vị trí số 1 của Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường kèm theo) tại Dự án C. Đây là quyết định hành chính của UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai - là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Người bị kiện không cung cấp được tài liệu chứng minh đã giao Quyết định số 4844 cho bà C. Tuy nhiên, theo lời bà C trình bày thì bà nhiều lần khiếu nại bồi thường về đất nhưng không được UBND quận N giải quyết; đồng thời căn cứ vào nội dung Văn bản số 714/TTPTQĐ-KTQĐ ngày 20/9/2012 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố C, Văn bản số 09/TTr-VP ngày 02/02/2023 của Thanh tra quận N, Văn bản số 2881/UBND-BTCD ngày 25/7/2023 của UBND quận N thì có căn cứ để xác định: Ít nhất là từ trước ngày 20/9/2012 (ngày ban hành Văn bản số 714/TTPTQĐ-KTQĐ) thì bà C đã biết và đã khiếu nại đối với Quyết định số 4844, nhưng Chủ tịch UBND quận N chưa giải quyết khiếu nại của bà C. Đây là trường hợp “do trở ngại khách quan khác” theo quy định tại khoản 4 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính nên còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét kháng cáo của bà C, nhận thấy:

[4.1] Đối với yêu cầu bồi thường về đất:

Căn cứ vào lời trình bày của bà C, của UBND quận N thì diện tích đất mà bà C bị thu hồi và yêu cầu được bồi thường tọa lạc tại khu vực Cồn Khương là “Đất bãi bồi ven sông” (trên rạch Khai Luông).

Theo quy định tại Điều 80 Luật Đất đai năm 2003 thì đối với phần “Đất bãi bồi ven sông” do gia đình bà C quản lý, sử dụng là thuộc quyền quản lý của Nhà nước và đã được UBND thành phố C quản lý theo Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 26/6/2006, nên việc bà C yêu cầu được bồi thường về đất là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu bồi thường về hoa màu:

Bà C không nhận tiền bồi thường về hoa màu là do có khiếu nại nhưng chưa được Chủ tịch UBND quận N giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc chậm giải quyết khiếu nại của bà C là do lỗi của Chủ tịch UBND quận N, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C. Do đó, bản án sơ thẩm hủy một phần Quyết định 4844 và buộc UBND quận N ban hành quyết định khác thay thế, theo hướng thanh toán thêm cho bà C khoản tiền “chậm chi trả” theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy tại cấp phúc thẩm bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của bà C là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm chưa chính xác nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho bà C.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị C.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2024/HC-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 4 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 80 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị C, về việc yêu cầu bồi thường đối với diện tích đất khoảng 10.000m² tọa lạc tại C, khu V Sông H, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, thuộc Dự án thu hồi đất công tại C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị C.

[2.1] Hủy một phần Quyết định số 4844/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, về việc phê duyệt chi tiết về bồi thường, hỗ trợ bổ sung Dự án thu hồi đất công tại C đối với bà Bùi Thị C.

[2.2] Buộc Ủy ban nhân dân quận N - nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Cần Thơ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo phần nhận định của bản án này.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho bà Bùi Thị C.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa